

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 17/2014/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2014

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 19/2013/TT-BKHCN ngày 15 tháng 8 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 592/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Giám đốc Văn phòng các Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 19/2013/TT-BKHCN ngày 15 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm (sau đây viết tắt là Thông tư số 19/2013/TT-BKHCN).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung Thông tư số 19/2013/TT-BKHCN như sau:

1. Sửa đổi Điều 4 như sau:

“Các dự án thuộc Chương trình được phân cấp quản lý như sau:

1. Nhóm dự án do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý là các dự án liên quan đến từ hai chuyên ngành, lĩnh vực trở lên, cần thiết có sự tham gia của các nhà khoa học, chuyên gia có kinh nghiệm về các ngành, lĩnh vực đó và các dự án có tính chất quan trọng về quốc phòng, an ninh, sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường.

2. Nhóm dự án do Bộ Khoa học và Công nghệ ủy quyền bộ, ngành quản lý là các dự án do tổ chức, cá nhân thuộc bộ, ngành đăng ký thực hiện và do bộ, ngành đề xuất được ủy quyền quản lý, phù hợp với điều kiện, năng lực, lĩnh vực quản lý của bộ, ngành.

3. Nhóm dự án do Bộ Khoa học và Công nghệ ủy quyền địa phương quản lý là các dự án của tổ chức, cá nhân tại địa phương, triển khai trong phạm vi một tỉnh, thành phố và do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề xuất được ủy quyền quản lý, phù hợp với năng lực tổ chức, chỉ đạo của địa phương.”

2. Sửa đổi, bổ sung, gộp khoản 1, khoản 2 Điều 12 thành một khoản như sau:

“1. Căn cứ vào mục tiêu, nội dung của Chương trình và điều kiện, nhu cầu thực tế của bộ, ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân có điều kiện và năng lực thực hiện dự án xây dựng hồ sơ dự án gửi về cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp quản lý dự án của Chương trình quy định tại Điều 4 của Thông tư này.”

3. Sửa đổi khoản 3, bổ sung khoản 4 Điều 14 như sau:

“3. Việc đánh giá các hồ sơ dự án được tiến hành bằng cách đối chiếu hồ sơ với các tiêu chí, điều kiện, nội dung dự án, mục tiêu, số lượng và nguồn kinh phí thực hiện Chương trình. Hồ sơ dự án được gửi đến thành viên hội đồng thẩm định trước phiên họp của hội đồng ít nhất 05 ngày làm việc, đến chuyên gia tư vấn độc lập trước thời điểm chuyên gia tư vấn độc lập gửi báo cáo đánh giá, thẩm định về hồ sơ dự án ít nhất 10 ngày làm việc.

4. Ban Chủ nhiệm Chương trình tổ chức thực hiện việc đánh giá hồ sơ dự án. Mỗi hội đồng thẩm định hồ sơ dự án có thể tư vấn cho 01 hoặc một số dự án (trong trường hợp các dự án cùng lĩnh vực).”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

“Điều 15. Quyết định giao chủ trì thực hiện dự án

1. Trên cơ sở kết luận của hội đồng thẩm định hồ sơ dự án, báo cáo đánh giá, thẩm định về hồ sơ dự án của chuyên gia tư vấn độc lập, Ban Chủ nhiệm Chương trình, Văn phòng Chương trình trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án.

Trong trường hợp dự án có tính chất phức tạp, quan trọng, Ban Chủ nhiệm Chương trình, Văn phòng Chương trình tổ chức đi kiểm tra xác minh thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân được kiến nghị thực hiện dự án.

Trường hợp có ý kiến khác nhau giữa Ban Chủ nhiệm Chương trình, Văn phòng Chương trình và kết luận của hội đồng, Ban Chủ nhiệm Chương trình và Văn phòng Chương trình báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định về việc đề nghị hội đồng thẩm định hồ sơ dự án xem xét lại hoặc tổ chức hội đồng thẩm định hồ sơ dự án mới hoặc thuê chuyên gia tư vấn độc lập.

2. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ theo kết luận của hội đồng thẩm định hồ sơ dự án hoặc báo cáo đánh giá, thẩm định về hồ sơ dự án của chuyên gia tư vấn độc lập và gửi Văn phòng Chương trình trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo kết quả tuyển chọn hoặc giao trực tiếp để Bộ Khoa học và Công nghệ tiến hành thẩm định nội dung và kinh phí triển khai thực hiện.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3, bổ sung khoản 4 Điều 19 như sau:

“2. Ban Chỉ đạo Chương trình do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập và làm Trưởng Ban, một Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ làm Phó trưởng Ban và các thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình là đại diện lãnh đạo Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

3. Ban Chủ nhiệm Chương trình do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập, ban hành quy chế tổ chức và hoạt động. Ban Chủ nhiệm Chương trình có Chủ nhiệm, các Phó Chủ nhiệm, ủy viên và 01 thư ký hành chính giúp việc Ban Chủ nhiệm Chương trình.

4. Văn phòng Chương trình đặt tại Bộ Khoa học và Công nghệ, do Trưởng ban chỉ đạo quyết định thành lập. Văn phòng Chương trình có chức năng giúp việc cho Ban Chỉ đạo Chương trình và giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc quản lý, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

Văn phòng các chương trình khoa học và công nghệ Quốc gia (đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ) thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng Chương trình, cụ thể như sau:

a) Trình Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình phê duyệt chương trình công tác của Ban Chỉ đạo Chương trình, chuẩn bị nội dung và điều kiện cần thiết cho hoạt động của Ban Chỉ đạo Chương trình, tổ chức triển khai các hoạt động chung của Chương trình;

b) Đề xuất thành lập và tổ chức các cuộc họp hội đồng thẩm định để đánh giá hồ sơ dự án; đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án thuộc Chương trình;

c) Xây dựng kế hoạch, lập dự toán kinh phí hoạt động chung hàng năm của Chương trình; tổng hợp dự toán kinh phí của Chương trình; thực hiện quyết toán kinh phí hàng năm của Chương trình theo quy định hiện hành; đề xuất việc điều chỉnh nội dung, thời gian, kinh phí của các dự án, hoạt động chung của Chương trình trong trường hợp cần thiết;

d) Chuẩn bị hợp đồng thực hiện dự án và ký hợp đồng thực hiện dự án đối với các dự án do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý; phối hợp, hướng dẫn các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ký hợp đồng thực hiện dự án đối với các dự án do Bộ Khoa học và Công nghệ ủy quyền bộ, ngành, địa phương quản lý;

đ) Tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện dự án do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý và tham gia kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất dự án do Bộ Khoa học và Công nghệ ủy quyền bộ, ngành, địa phương quản lý khi cần thiết;

e) Đầu mỗi tiếp nhận, tổng hợp đề xuất, kiến nghị từ các tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án thuộc Chương trình do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý và những vấn đề có liên quan đến xây dựng, quản lý, hoạt động của Chương trình.

Những quy định cụ thể về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Văn phòng Chương trình do Trường Ban Chỉ đạo quyết định.”

6. Sửa đổi khoản 10 Điều 20 như sau:

“10. Thành lập hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện các dự án thuộc Chương trình”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 8 năm 2014.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét, giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Quân

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

CHỦ TỊCH NƯỚC

CHỦ TỊCH NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1547/QĐ-CTN

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH **Về việc cho thôi quốc tịch Việt Nam**

CHỦ TỊCH **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Căn cứ Điều 88 và Điều 91 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008;

Xét đề nghị của Chính phủ tại Tờ trình số 234/TTr-CP ngày 24/6/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho thôi quốc tịch Việt Nam đối với 491 công dân hiện đang cư trú tại Đài Loan (Trung Quốc) (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước và các công dân có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Trương Tấn Sang